

Số: 05/NQ-HĐND

Lục Ngạn, ngày 23 tháng 3 năm 2023

NGHỊ QUYẾT

**Thông qua đồ án Quy hoạch chung xây dựng đô thị Phì Điền,
huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang đến năm 2040, tỷ lệ 1/5.000**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN HUYỆN LỤC NGẠN
KHÓA XX, KỲ HỌP THỨ 9**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Quy hoạch ngày 21/12/2017; Luật Quy hoạch đô thị ngày 17/6/2009; Luật Xây dựng ngày 18/6/2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20/11/2018; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17/6/2020;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị; số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ các Thông tư của Bộ trưởng Bộ Xây dựng: Số 01/2021/TT-BXD, ngày 19/5/2021 ban hành Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về Quy hoạch xây dựng; số 04/2022/TT-BXD ngày 24/10/2022 quy định về hồ sơ nhiệm vụ và hồ sơ đồ án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng và quy hoạch nông thôn;

Căn cứ Quyết định số 219/QĐ-TTg ngày 17/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch tỉnh Bắc Giang thời kỳ 2021-2030 tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 139/QĐ-UBND ngày 24/3/2014 của UBND tỉnh phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống đô thị tỉnh Bắc Giang đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 479/QĐ-UBND ngày 14/08/2017 của UBND tỉnh phê duyệt Chương trình phát triển đô thị toàn tỉnh Bắc Giang đến năm 2030;

Căn cứ Nghị quyết số 233-NQ/TU ngày 25/7/2022 của Tỉnh ủy Bắc Giang về chủ trương sắp xếp lại đơn vị hành chính cấp huyện và phát triển đô thị trên địa bàn tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2022-2025;

Căn cứ Quyết định số 81/2021/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 của UBND tỉnh ban hành Quy định một số nội dung về quy hoạch xây dựng trên địa bàn tỉnh Bắc Giang;

Căn cứ Kế hoạch số 148/KH-UBND ngày 28/2/2022 của UBND tỉnh về thực hiện quy hoạch tỉnh Bắc Giang thời kỳ 2021-2030;

Căn cứ Quyết định số 952/QĐ-UBND ngày 21/9/2021 của UBND tỉnh phê duyệt Nhiệm vụ Quy hoạch chung xây dựng đô thị Phì Điền, huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang đến năm 2040 (tỷ lệ 1/5.000);

Xét Tờ trình số 227/TTr-UBND ngày 20/3/2023 của UBND huyện; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Xã hội HĐND huyện; ý kiến thảo luận của các Đại biểu HĐND huyện tại Kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua Đồ án Quy hoạch chung xây dựng đô thị Phì Điền, huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang đến năm 2040, tỷ lệ 1/5.000; với những nội dung chính như sau:

1. Lý do và sự cần thiết lập quy hoạch

Bắc Giang là tỉnh trung du thuộc vùng Đông Bắc Bộ, là một trong các tỉnh, thành phố nằm trong vùng Thủ đô. Trên địa bàn tỉnh hiện có tuyến QL.1A và tuyến cao tốc Hà Nội - Lạng Sơn đi qua theo hướng Bắc Nam, chia Bắc Giang thành hai nửa Đông - Tây. Phía Đông của tỉnh có tuyến đường QL.31 kết nối từ thành phố Bắc Giang đến huyện Đình Lập, tỉnh Lạng Sơn, là trục chính liên kết vùng, phát triển kinh tế, xã hội. Trong đó, việc hình thành mạng lưới các đô thị dọc QL.31 là các điểm trung tâm, các khu vực động lực với nhiệm vụ quản lý, hỗ trợ, đảm bảo sự phát triển cân đối giữa các vùng thực sự cần thiết.

Quy hoạch tỉnh Bắc Giang thời kỳ 2021 - 2030 tầm nhìn đến năm 2050 đã được phê duyệt tại Quyết định số 219/QĐ-TTg ngày 17/2/2022 của Thủ tướng Chính phủ, trong đó có chủ trương hình thành đô thị giai đoạn 2025-2030 để hoàn thiện hệ thống đô thị trên địa bàn tỉnh.

Nhằm đảm bảo các tiêu chí thành lập thị trấn giai đoạn 2025-2030, việc lập quy hoạch chung xây dựng đô thị Phì Điền, huyện Lục Ngạn đến năm 2040 là cần thiết, làm cơ sở pháp lý để triển khai các đồ án quy hoạch cấp dưới, các dự án, công trình phát triển đô thị. Ngoài ra, đồ án là căn cứ để các cơ quan chuyên môn quản lý xây dựng tại khu vực, địa phương có các định hướng để thu hút đầu tư, phát triển đô thị.

2. Phạm vi, ranh giới và quy mô quy hoạch

2.1. Vị trí, phạm vi, ranh giới nghiên cứu lập quy hoạch

Quy mô Quy hoạch chung xây dựng đô thị mới thị trấn Phì Điền bao gồm toàn bộ diện tích tự nhiên xã Phì Điền hiện hữu và một phần diện tích của các xã Tân Quang, Tân Hoa, Giáp Sơn; ranh giới được giới hạn như sau:

- Phía Bắc: Giáp phần còn lại xã Giáp Sơn, xã Tân Hoa;
- Phía Nam: Giáp xã Tân Quang, xã Đồng Cốc;
- Phía Đông: Giáp phần còn lại của xã Tân Hoa và QL.279;
- Phía Tây: Giáp xã Giáp Sơn.

2.2. Quy mô lập quy hoạch

- Quy mô diện tích lập quy hoạch: Khoảng 1.845 ha.
- Quy mô dân số đến năm 2040: 15.300 người.

3. Tính chất

Là đô thị sinh thái gắn với dịch vụ, thương mại, du lịch và nông nghiệp công nghệ cao.

4. Chức năng

- Thị trấn Phi Điền sẽ là đô thị loại V, là thị trấn huyện lỵ, là trung tâm hành chính của huyện Lục Ngạn mới.
- Là đô thị hỗ trợ phát triển dịch vụ, thương mại và trung chuyển hàng hóa của vùng.
- Là vùng phát triển sản xuất nông nghiệp hàng hóa tập trung, trọng tâm là vùng trồng cây ăn quả trọng điểm của tỉnh và khu vực gắn với du lịch sinh thái, du lịch cộng đồng.
- Phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, trọng tâm là các sản phẩm công nghiệp chế biến nông sản đặc trưng của huyện để kéo dài chuỗi giá trị sản phẩm và nâng cao hiệu quả kinh tế tổng hợp.
- Phát triển dịch vụ với trọng tâm là dịch vụ du lịch, nghỉ dưỡng, sinh thái, vui chơi, giải trí, với các điểm nhấn là xây dựng khu du lịch sinh thái, miệt vườn, nghỉ dưỡng, thể thao, vui chơi, giải trí gắn với cảnh quan thiên nhiên vùng sơn địa.

5. Định hướng quy hoạch sử dụng đất đô thị Phi Điền

5.1. Các chức năng chủ đạo của đô thị

Bao gồm các chức năng chính sau:

- Khu trung tâm hành chính, thương mại dịch vụ, văn hoá - thể thao, vui chơi giải trí... cấp thị trấn.
- Trường học các cấp.
- Các khu dân cư xây dựng mới.
- Khu dân cư hiện trạng cải tạo.
- Trung tâm y tế.
- Chợ khu vực.
- Chợ dân sinh.
- Công trình ngân hàng, bảo hiểm, văn phòng đại diện...
- Các khu du lịch sinh thái.
- Các vùng nông nghiệp tập trung, vùng cây trồng...
- Hệ thống hạ tầng kỹ thuật và các công trình đầu mối.

- Đất dự trữ phát triển đô thị.

5.2. Lựa chọn các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật

Bảng: Chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật chủ yếu:

TT	Hạng mục	Chỉ tiêu (đến năm 2030)
1	- Đất dân dụng	70 ÷ 100 m ² /người
2	- Đất đơn vị ở trung bình toàn đô thị	45 ÷ 55 m ² /người
3	- Đất công trình công cộng	3 ÷ 3,5 m ² /người
4	- Đất cây xanh	≥4 m ² /người
5	- Các chỉ tiêu hạ tầng kỹ thuật	
	+ Tiêu chuẩn cấp điện sinh hoạt	330w/người (tương ứng 1000kwh/người/ năm).
	+ Công trình công cộng	Lấy bằng 30% tiêu chuẩn cấp điện sinh hoạt.
	+ Cụm công nghiệp	150kW/1ha
6	- Cấp nước (cấp nước sinh hoạt và công cộng)	120 l/người/ng.đ cấp cho 90% dân
7	- Thoát nước bản, vệ sinh môi trường	
	+ Thoát nước (sinh hoạt + công cộng)	≥ 90% tiêu chuẩn cấp nước
	+ Rác thải	1kg/người/ngày
8	- Giao thông đô thị đảm bảo	
	+ Tỷ lệ đất giao thông /đất đô thị	≥13%
	+ Mật độ mạng lưới đường	6,5÷ 8km/km ²

Tổng diện tích khu vực quy hoạch khoảng 1.845 ha; trong đó:

- Diện tích đất nhóm nhà ở khoảng 237,55 ha, chiếm tỷ lệ 12,88%, trong đó đất nhóm nhà ở mới diện tích 111,4 ha.

- Diện tích đất công cộng dịch vụ cấp đô thị khoảng 12,03 ha, chiếm tỷ lệ 0,65%.

- Diện tích đất công cộng dịch vụ nhóm nhà ở khoảng 5,75 ha, chiếm tỷ lệ 0,31%.

- Diện tích đất cơ quan, trụ sở đô thị khoảng 11,84 ha, chiếm tỷ lệ 0,64%.

- Diện tích đất giáo dục khoảng 12,51 ha, chiếm tỷ lệ 0,68%

- Diện tích đất hỗn hợp nhóm nhà ở và dịch vụ khoảng 42,93 ha, chiếm tỷ lệ 2,33%.

- Diện tích đất sản xuất công nghiệp và kho tàng khoảng 20,99 ha, chiếm tỷ lệ 1,14%.

- Diện tích đất cây xanh sử dụng công cộng cấp đô thị khoảng 68,14 ha, chiếm tỷ lệ 3,69%.

- Diện tích đất dịch vụ du lịch khoảng 61,53 ha, chiếm tỷ lệ 3,33%.
- Diện tích đất rừng sản xuất khoảng 570,12 ha, chiếm tỷ lệ 30,90%.
- Diện tích đất dự trữ phát triển khoảng 134,35 ha, chiếm tỷ lệ 7,28%.

Bảng cơ cấu cân bằng sử dụng đất

TT	Hạng mục sử dụng đất	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)
1	Đất nhóm nhà ở	237,55	12,88
-	Đất nhóm nhà ở mới	111,40	6,04
-	Đất nhóm nhà ở hiện trạng	126,15	6,84
2	Đất dịch vụ công cộng cấp đô thị	12,03	0,65
3	Đất dịch vụ công cộng nhóm nhà ở	5,75	0,31
4	Đất cơ quan, trụ sở đô thị	11,84	0,64
5	Đất giáo dục	12,51	0,68
-	Đất trường THPT	1,73	0,09
-	Đất trường mầm non, tiểu học, THCS	10,78	0,58
6	Đất trung tâm y tế	2,91	0,16
7	Đất hỗn hợp nhóm nhà ở và dịch vụ	42,93	2,33
8	Đất sản xuất công nghiệp và kho tàng	20,99	1,14
9	Đất trung tâm văn hoá TDTT	8,98	0,49
10	Đất cây xanh sử dụng công cộng cấp đô thị	68,14	3,69
11	Đất rừng sản xuất	570,12	30,90
12	Đất dịch vụ du lịch	61,53	3,33
13	Đất sản xuất nông nghiệp, cây ăn quả	306,52	16,61
14	Mặt nước	55,28	3,00
15	Đất nghĩa trang	10,73	0,58
16	Đất dự trữ phát triển	134,35	7,28
17	Đất giao thông	282,84	15,33
	Tổng cộng	1.845,00	100,00

6. Định hướng tổ chức không gian và phân vùng phát triển đô thị Phì Điền

- Cấu trúc đô thị Phì Điền phát triển theo hai trục Bắc-Nam và Đông-Tây.
- Hướng từ Tây sang Đông với 02 trục xương sống quan trọng là QL.31 và tuyến đường trục Đông Tây nối QL.279 - ĐT.290 và thị xã Chũ hình thành trong tương lai.
- Trục Bắc - Nam kết nối từ khu vực du lịch sinh thái hồ Làng Muối với vùng dân cư xã Tân Quang.

- Không gian đô thị Phì Điền được chia thành 05 phân khu, phụ thuộc vào chức năng riêng biệt từng phân khu và mạng giao thông đô thị:

- + Phân khu 1: Đô thị trung tâm hành chính.
- + Phân khu 2: Đô thị dịch vụ thương mại.
- + Phân khu 3: Khu du lịch sinh thái.
- + Phân khu 4: Đô thị sinh thái và du lịch cảnh quan.
- + Phân khu 5: Vùng cảnh quan nông nghiệp.

7. Định hướng phát triển hệ thống hạ tầng kỹ thuật

7.1. Định hướng phát triển giao thông

a) Giao thông đối ngoại:

- Quốc lộ 31: Là trục giao thông đối ngoại chính của khu vực nghiên cứu, kết nối khu vực nghiên cứu với thị trấn Chũ và các khu vực của tỉnh Bắc Giang; tuân thủ theo Quy hoạch mạng lưới đường bộ thời kỳ 2021 - 2030 đã được phê duyệt tại Quyết định số 1454/QĐ-TTg ngày 01/9/2021. Đoạn ngoài đô thị đường cấp III, cấp IV với 2 - 4 làn xe. Đoạn qua đô thị đề xuất bề rộng mặt cắt đường 30m với 4 làn xe cơ giới (riêng đoạn từ Cầu Chét tới Cầu Sài mặt cắt đường rộng 52m bao gồm cả đường gom bên trái tuyến).

- Quốc lộ 279: Ở phía Đông của khu vực nghiên cứu, kết nối khu vực nghiên cứu với tỉnh Lạng Sơn và tỉnh Quảng Ninh. Tuyến đường sẽ được cải tạo nâng cấp với quy mô đường cấp III với 02 làn xe.

- Đường huyện hiện trạng: Kết nối khu vực nghiên cứu với khu vực phía Nam của huyện Lục Ngạn. Các tuyến đường sẽ được cải tạo nâng cấp với quy mô đường cấp IV với 2 làn xe.

b) Giao thông đối nội:

Hệ thống đường trong khu vực nghiên cứu được thiết kế với cấu trúc ô bàn cờ với 3 loại đường (đường chính đô thị, đường liên khu vực, đường khu vực) đảm bảo kết nối các khu vực chức năng trong đô thị và kết nối khu vực nghiên cứu với hệ thống giao thông đối ngoại. Bề rộng mặt cắt đường 20m - 50m với từ 2 - 8 làn xe cơ giới, cụ thể:

- Đường chính đô thị: Bề rộng mặt cắt đường 36m-50m với từ 6 - 8 làn xe cơ giới; mặt cắt 1-1: Đường rộng 50m (lòng đường 30m, hè đường 12m, phân cách 8m); mặt cắt 2-2: Đường rộng 36m (lòng đường 21m, hè đường 12m, phân cách 3m).

- Đường liên khu vực: Bề rộng mặt cắt đường 30m với 4 làn xe cơ giới; mặt cắt 3-3; đường rộng 30m (lòng đường 15m, hè đường 12m, phân cách 3m).

+ Đường khu vực: Bề rộng mặt cắt đường 12m - 21m với 02 làn xe; mặt cắt 4 - 4: Đường rộng 21m (lòng đường 9m, hè đường 12m); mặt cắt 5 - 5: Đường rộng 12m (lòng đường 9m, hè đường 3m).

c) Bến bãi đỗ xe tập trung:

- Bến xe: Đề xuất 01 bến xe cấp huyện tại khu vực nghiên cứu với quy mô

từ 01 - 03ha để phục vụ nhu cầu trung chuyển hàng hóa và nhu cầu phát triển của huyện Lục Ngạn.

- Bãi đỗ xe tập trung: Bố trí các bãi đỗ xe tập trung trong khu vực nghiên cứu với quy mô mỗi bãi 0,1 - 0,3ha. Sử dụng kết hợp nhiều hình thức bãi đỗ xe (bãi đỗ xe cao tầng, bãi đỗ xe ngầm, bãi đỗ xe thông minh...) để đáp ứng nhu cầu đỗ xe cho khu vực nghiên cứu và đảm bảo chỉ tiêu nhu cầu đỗ xe tối thiểu đạt 2,5m²/người. Các công trình trong khu vực nghiên cứu khi thiết kế phải tính toán đảm bảo nhu cầu đỗ xe theo tiêu chuẩn, quy chuẩn có liên quan.

7.2. Định hướng quy hoạch cao độ nền và thoát nước mặt

a) San nền:

- Các khu vực đã xây dựng ổn định: Đối với các khu vực đã xây dựng ổn định trong khu vực khi cải tạo xây dựng mới xen kẽ hoặc xây dựng mới cần giữ nguyên cao độ nền xây dựng hiện trạng đã không chế tại các khu vực \Rightarrow cao độ không chế nền xây dựng $H_{xd} \geq$ cao độ nền hiện trạng và không làm ảnh hưởng đến thoát nước chung của khu vực.

- Các khu vực xây dựng mới:

+ Các khu vực dự kiến xây dựng mới theo quy hoạch có độ dốc nền $i \leq 10\%$ thì giữ nguyên cao độ hiện trạng, chỉ san nền cục bộ tạo mặt bằng xây dựng công trình, không đào đắp lớn: $H_{xd} \geq H_{ht}$. Các khu vực ven suối: $H_{xd} \geq H_{mn.max}$ suối + 0,3m

- Các khu vực tại sườn đồi, có độ dốc nền $i > 10\%$ khi khai thác quỹ đất xây dựng công trình, cần san nền giạt cấp, bám sát cao độ nền hiện trạng, không đào, đắp lớn, tránh phá vỡ cảnh quan tự nhiên. Khối lượng đào đắp nền cân bằng tại chỗ.

b) Thoát nước mưa:

- Hệ thống thoát nước:

+ Hệ thống thoát nước mưa được xây dựng là hệ thống thoát nước hỗn hợp.

+ Khu vực dân cư hiện trạng sử dụng hệ thống thoát nước mưa nửa riêng với nước thải.

+ Khu vực xây dựng mới khi phát triển đô thị theo quy hoạch được sử dụng hệ thống thoát nước mưa riêng giữa nước mưa và nước thải.

- Lưu vực thoát nước:

+ Lưu vực số 1 (phía Tây khu vực trung tâm): Nước mưa chảy xuống các khe tụ thủy chảy về suối hiện trạng và kênh tiêu hoàn trả suối hiện trạng theo hướng Bắc - Nam thoát ra suối Cầu Chét, qua đường QL.31 thoát nước về sông Lục Nam.

+ Lưu vực số 2 (phía Đông khu vực trung tâm): Nước mưa chảy xuống các khe tụ thủy chảy về suối hiện trạng và kênh tiêu hoàn trả suối hiện trạng theo hướng Bắc - Nam thoát ra suối Cầu Chét, qua đường QL.31 thoát nước về sông Lục Nam.

+ Lưu vực số 3 (phía Đông khu vực): Nước mưa chảy xuống các khe tụ thủy chảy về suối hiện trạng chảy theo hướng Bắc - Nam thoát ra suối Cầu Chết, qua đường QL.31 thoát nước về sông Lục Nam.

+ Lưu vực số 4 (phía Nam QL.31): Nước mưa chảy xuống các khe tụ thủy chảy về ra suối Cầu Chết rồi thoát nước về sông Lục Nam.

7.3. Định hướng cấp nước

- Tiêu chuẩn cấp nước (năm 2030 - 2040): Tiêu chuẩn cấp nước sinh hoạt 120 - 130 lít/người/ngày đêm; tiêu chuẩn cấp nước công nghiệp 22 m³/ha.

- Nhu cầu giai đoạn 2030 - 2040: 4.000 – 5.000 m³/ngày đêm.

- Nguồn cấp: Nhà máy nước Cẩm Sơn, công suất 90.000 m³/ngày đêm. Giai đoạn đầu, khi Nhà máy nước Cẩm Sơn chưa xây dựng, nguồn cấp cho khu quy hoạch là Nhà máy nước xây mới tại thôn Muôi, công suất 4.000 - 5.000 m³/ngày đêm.

7.4. Định hướng cấp điện

- Nguồn điện cấp cho khu vực nghiên cứu trạm 110/35/22kV Lục Ngạn 2x40mVA.

- Kết cấu lưới điện của huyện phải đảm bảo yêu cầu cung cấp điện trước mắt, đáp ứng được nhu cầu phát triển phụ tải trong tương lai.

- Những khu vực cải tạo lưới điện phải phù hợp với quy định của ngành về tiến trình tiêu chuẩn hoá lưới điện.

- Khu vực đô thị mới lưới trung áp được thiết kế mạch vòng, vận hành hở. Mạch vòng được cấp điện từ 2 trạm 110kV hoặc từ 2 thanh cái phân đoạn của 1 trạm 110kV có 2 máy biến áp hoặc từ 2 thanh cái trạm biến áp 110kV. Đối với lưới khu vực nông thôn, vùng sâu, vùng xa có thể được thiết kế hình tia.

- Trạm biến áp xây dựng mới sử dụng máy biến áp từ (100÷630) kVA.

7.5. Định hướng thông tin liên lạc

- Khu vực nghiên cứu được cấp tín hiệu từ tổng đài Lục Ngạn cấp đến thông qua trục cáp quang chạy dọc theo QL.31.

- Xây dựng và phát triển hạ tầng thông tin liên lạc hiện đại, an toàn, có dung lượng lớn, tốc độ cao đến từng người dân, góp phần bảo đảm quốc phòng, an ninh, nâng cao chất lượng cuộc sống của nhân dân.

- Phát triển hạ tầng thông tin liên lạc, tạo điều kiện thuận lợi cho các thành phần kinh tế tham gia khai thác dịch vụ thông tin liên lạc.

- Cung cấp các dịch vụ thông tin liên lạc với chất lượng tốt, đáp ứng nhu cầu đa dạng của người sử dụng. Tăng cường phát triển các dịch vụ ứng dụng thông tin trên cơ sở hạ tầng đã được xây dựng nhằm phát huy tối đa sự hội tụ của công nghệ và dịch vụ.

- Ưu tiên áp dụng các công nghệ tiên tiến, hiện đại, tiết kiệm năng lượng, thân thiện với môi trường và sử dụng hiệu quả tài nguyên.

7.6. Định hướng thoát nước thải, quản lý chất thải rắn (CTR) và nghĩa trang

a) Định hướng thoát nước thải sinh hoạt

- Nước thải sinh hoạt của đô thị phải được thu gom và xử lý đạt tiêu chuẩn môi trường QCVN 14:2008/BTNMT, TCVN 7222-2002 trước khi xả ra nguồn tiếp nhận.

- Tỷ lệ nước thải sinh hoạt của đô thị được thu gom và xử lý đạt 80% (đến năm 2030) và 100% (đến năm 2040).

- Trong khu vực đô thị sẽ xây dựng các trạm xử lý nước thải tập trung. Tùy thuộc vào điều kiện kinh tế, dây chuyền công nghệ của các trạm xử lý nước thải tập trung sẽ khác nhau; ưu tiên sử dụng phương pháp sinh học tự nhiên xử lý nước thải.

- Xây dựng 1 trạm xử lý nước thải sinh hoạt đô thị Phì Điền với diện tích khoảng 0,6ha.

- Nước thải sinh hoạt khu vực nông thôn hiện trạng: Khuyến khích các hộ dân sử dụng công trình vệ sinh tự hoại tại khu vực dân cư nông thôn. Đến năm 2030, sử dụng hệ thống thoát nước nửa riêng. Đến năm 2040, sử dụng hệ thống thoát nước riêng hoàn toàn.

b) Nước thải công nghiệp:

- Nước thải công nghiệp từ các khu/cụm công nghiệp phải được xử lý đạt tiêu chuẩn QCVN 40:2011/BTNMT trước khi xả ra hệ thống thoát nước đô thị hoặc nguồn tiếp nhận.

- Hệ thống thoát nước trong các khu/cụm công nghiệp tập trung là hệ thống thoát nước riêng, có trạm xử lý nước thải cho từng khu/cụm công nghiệp.

c) Định hướng quản lý chất thải rắn:

- CTR công nghiệp và CTR nguy hại được đưa về xử lý tại khu xử lý CTR cấp vùng của tỉnh.

- CTR sinh hoạt tiếp tục được đưa về xử lý tại Nhà máy xử lý rác thải tại xã Kiên Thành.

d) Định hướng quy hoạch nghĩa trang:

- Đối với nghĩa trang hiện có, không tiến hành chôn cất mới, xây dựng khoảng cây xanh vùng đệm, đồng thời sẽ tiến hành cải tạo xây dựng lại, đảm bảo tăng diện tích cây xanh, bổ sung hệ thống hạ tầng kỹ thuật và bảo vệ môi trường.

- Các nghĩa trang nhỏ lẻ trong vùng phát triển đô thị, đề xuất không chôn cất mới, trong tương lai dần chuyển đổi thành công viên cây xanh, quy tập về nghĩa trang tập trung xây dựng mới.

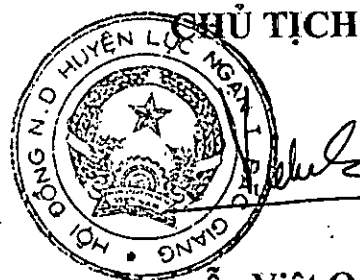
- Xây dựng mới 01 nghĩa trang nhân dân tập trung với diện tích 7,2ha tại thôn Chay (Phì Điền).

Điều 2. Giao Ủy ban Nhân dân huyện hoàn thiện, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt và tổ chức thực hiện theo quy định.

Điều 3. Nghị quyết được HĐND huyện khóa XX, Kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 23 tháng 3 năm 2023./.

Nơi nhận:

- TT HĐND, Lãnh đạo UBND tỉnh;
- VP ĐTBQH&HĐND, VP UBND tỉnh;
- TT HU, TT HĐND, UBND huyện;
- Đại biểu HĐND huyện khóa XX;
- Các cơ quan, ban, ngành của huyện;
- Ủy ban MTTQ và các đoàn thể huyện;
- Các cơ quan, đơn vị trên địa bàn huyện;
- ĐU, HĐND, UBND các xã, thị trấn;
- LĐVP, CVTH;
- Lưu: VT, HS.



Nguyễn Việt Oanh